TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1273/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 642/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Phan Văn C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ); địa chỉ liên hệ: 733 Ấp F, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 733 Ấp F, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/ Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ (nay là Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ); địa chỉ liên hệ: 733 Ấp F, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 733 Ấp F, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại: 04, ngày 05/02/2024, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Cần Thơ) cấp cho ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T; các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T thật sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Hoàn N, sinh ngày 20/04/2024. Ông C và bà T thỏa thuận giao 01 con chung tên là Phan Hoàn N, sinh ngày 20/04/2024 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên thoả thuận ông C không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

[5] Mỗi bên đương sự thỏa thuận chịu 150.000 đồng tiền lệ phí.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 05/02/2024, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Cần Thơ) cấp cho ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Bích T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phan Hoàn N, sinh ngày 20/4/2024 và hai bên thoả thuận ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Phan Văn C và bà Phạm Thị Bích T mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng,

được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0017421 ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã Trường Long Tây, Thành phố Cần Thơ
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Châu Trinh